TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Quyết định giám đốc thẩm Số: 30/2017/DS - GĐT Ngày: 27-7-2017 V/v tranh chấp về thừa kế tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Xuân Minh.

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thúy Hiền;

- Ông Nguyễn Văn Du;

- Ông Lê Văn Minh;

- Ông Trần Văn Cò.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "*Tranh chấp di sản thừa kế và tài sản chung*" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1973; cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Đồng H, sinh năm 1975; cư trú tại: 378 N, Phường A, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 3 năm 2014).

2. Bị đơn: Ông Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1969; cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Ngô Thái Tùng T, sinh năm 1974; cư trú tại: 452 M, Phường A, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 8 năm 2012).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Ngọc Đ: Ông Nguyễn Đăng N, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Đăng N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1956; địa chỉ: 36 Ave De Biarizt 31300 Toulouse France.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị B: Ông Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1969; cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 8 năm 2013).

3.2. Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1977; cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Ngọc T: Ông Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1969; cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 7 năm 2013).

3.3. Ông Vũ Ngọc H1 (Vu Danny Hiep), sinh năm 1964; địa chỉ: 790 Roscommon Drive Vacaville CA 95688 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Ngọc H1: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1973; cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 7 năm 2012).

3.4. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: 8 Rue Du Pont Montaudran Jeme Etage No3 Apptement 31000 Toulouse France.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1973; cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 9 năm 2012).

3.5. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1961;

3.6. Ông Vũ Ngọc L, sinh năm 1972;

3.7. Bà Viên Thị Mỹ L1, sinh năm 1980;

3.8. Chị Nguyễn Kim Mỹ H1, sinh năm 1995;

3.9. Ông Bùi Thế T1, sinh năm 1973.

3.10. Cháu Bùi Vũ Tú N, sinh năm 2011;

3.11. Cháu Vũ Gia H, sinh năm 2012;

3.12. Ông Phạm Viết T2, sinh năm 1978;

Cùng cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị L, ông Vũ Ngọc L1, bà Viên Thị Mỹ L1, chị Nguyễn Kim Mỹ H1, ông Bùi Thế T1, ông Phạm Viết T2 là ông Ngô Đồng H, sinh năm 1975; cư trú tại: 378 N, Phường A, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 3 năm 2014).

3.13. Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1980;

3.14. Cháu Vũ Đức M, sinh năm 2005;

3.15. Cháu Vũ Đức M1, sinh năm 2006;

Cùng cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thanh T1: Ông Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1969; cư trú tại: 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 3 năm 2013).

3.16. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1959; cư trú tại: 68E khu phố B, D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2012 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Vũ Thị D trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Vũ Văn C và cụ Nguyễn Thị B có 8 người con gồm: bà B, bà L, ông Đ, ông T3, ông H1, bà H, ông L và bà. Ông T3 chết năm 1978 có vợ là bà Nguyễn Thị T2 và 01 người con là anh Vũ Ngọc T. Cụ C chết năm 1996, cụ B chết năm 2006; hai cụ chết không để lại di chúc. Tài sản của hai cụ để lại là nhà số 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 14/4/2004.

Ngày 14/12/2011, Uỷ ban nhân dân phường Tam Phú lập biên bản trong đó, tất cả các anh chị em gồm: bà, bà L, ông L, ông Đ và anh T đều xác nhận phần tài sản cụ C để lại là ½ nhà tại 330 đường T là tài sản chung của các đồng thừa kế. Ngày 15/5/2012 và ngày 05/6/2012, ông H1, bà H cũng có văn bản xác nhận phần tài sản cụ C để lại là tài sản chung của các đồng thừa kế. Hiện nay, nhà 330 đường T có hộ gia đình bà, hộ gia đình ông L, hộ gia đình ông Đ và anh

T đang ở. Căn nhà có kết cấu phức tạp không thể phân chia được vì tầng trệt có gia đình bà D, ông L, anh T ở một mặt đường, nhà ông Đ ở một mặt đường. Tầng 01 có gia đình bà D, ông L, anh T ở, tầng 02 nhà ông Đ ở. Bà D đang cho thuê phần phía trước góc đường TH và T giá 10.000.000 đồng/tháng. Số tiền này bà chia cho bà L 5.000.000 đồng do bà L sống riêng không sử dụng nhà, chia cho anh T 1.600.000 đồng, còn lại 3.400.000 đồng bà D chi phí sinh hoạt cho đại gia đình. Ông L, bà L, bà H, ông H1 đồng ý nhường lại kỷ phần thừa kế cho bà D để bà D làm nơi thờ cúng cha mẹ và những người thân ở nước ngoài về có chỗ ở.

Nay bà yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ B, chia tài sản chung của cụ C. Tại đơn khởi kiện, bà xin được hưởng giá trị căn nhà khoảng 500.000.000 đồng. Sau đó, bà yêu cầu được toàn quyền sử dụng và sở hữu nhà số 330 đường T và bồi hoàn giá trị các kỷ phần cho ông Đ, bà B, bà L, ông H1, bà H, ông L và anh T.

Bị đơn là ông Vũ Ngọc Đ trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà D về quan hệ gia đình, tài sản của cha mẹ để lại. Ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng mà 04 hộ gia đình đang sử dụng. Nếu phần nhà đất của ai nằm trong diện giải toả thì phải chấp nhận; theo quy hoạch thì toàn bộ tầng trệt ông đang sử dụng sẽ bị quy hoạch còn lầu 02 không nằm trong quy hoạch. Lối đi của nhà ông hoàn toàn riêng biệt với các nhà còn lại. Ông không đồng ý dọn nhà đi theo yêu cầu của nguyên đơn. Nếu Toà án chia di sản thừa kế theo pháp luật và ông tiếp tục được ở đây thì ông đồng ý hoàn trả giá trị cho 04 người không ở đây là bà L, ông H1, bà H, bà B. Anh T, bà B đã tặng cho kỷ phần thừa kế cho ông. Hiện nay, anh T đang ở tầng 01; ông muốn anh T đổi xuống tầng trệt hiện đang cho thuê giáp tầng trệt nơi ông đang kinh doanh để tránh va chạm anh em.

Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Vũ Thị B trình bày: Bà B có gửi tiền về xây dựng nhà năm 1996 và năm 2000, tổng cộng 82.000 Franc tương đương 2.000.000.000 đồng (chứng cứ là các giấy gửi tiền cho cụ B). Trước đây, bà B yêu cầu người nào được hưởng di sản thừa kế thì phải hoàn trả cho bà số tiền xây dựng nhà, nay bà xin rút yêu cầu này. Bà đồng ý với ý kiến của ông Đ.

Ông Vũ Ngọc H1, bà Vũ Thị H trình bày: Ông H1, bà H đồng ý giao cho bà D được toàn quyền quyết định vụ kiện. Ông, bà đề nghị Toà án chấp nhận nguyện vọng của bà D cho bà D được sở hữu, sử dụng toàn bộ căn nhà và trả giá trị cho cho ông Đ, bà B.

Bà Vũ Thị L, vợ chồng ông Vũ Ngọc L và bà Viên Thị Mỹ L1, chị Nguyễn Kim Mỹ H1 có cùng ý kiến và yêu cầu với nguyên đơn.

Anh Vũ Ngọc T xác nhận tặng cho kỷ phần thừa kế của anh cho ông Đ.

Bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với ông T3 vì bị thất lạc năm 1979. Hiện nay bà vẫn chưa kết hôn với ai. Bà nhất trí với ý kiến của anh T là tặng cho phần thừa kế của anh T cho ông Đ. Nếu Toà án chia thừa kế theo pháp luật thì bà yêu cầu được tặng cho ông Đ.

Ông Phạm Viết T2 trình bày: Ông ký hợp đồng thuê mặt bằng nhà số 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh với bà D từ ngày 08/02/2010 để mở cửa hàng và vẫn muốn tiếp tục thuê ở đây.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1445/2013/DS-ST ngày 12/12/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Xác định di sản mà cụ Vũ Văn C và cụ Nguyễn Thị B chết để lại là nhà và đất toạ lạc tại 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà D phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Đ, bà L, ông H1, bà H, ông L, bà B, anh T mỗi kỷ phần là 518.304.687 đồng.

Ông Đ, anh T giao trả toàn bộ phần nhà và đất đang sử dụng toạ lạc tại 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ cho bà D quản lý sở hữu.

Ông Phạm Viết T2 phải giao trả mặt bằng thuê tại nhà 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Vũ Thị D.

Ngày 18/12/2013, ông Đ, bà B và anh T kháng cáo, không đồng ý giao cho bà D sở hữu, sử dụng toàn bộ căn nhà. Ông Đ đồng ý trả cho mỗi đồng thừa kế 550.000.000 đồng để ông được sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 330 đường Tỉnh lộ 43.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 101/2014/DS-PT ngày 06/5/2014, Toà Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Ngọc Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị B, anh Vũ Ngọc T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế Vũ Thị B, Vũ Ngọc T nhường giá trị kỷ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho ông Vũ Ngọc Đ được sở hữu.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế Vũ Thị L, Vũ Ngọc H1, Vũ Thị H và Vũ Ngọc L nhường giá trị kỷ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho bà Vũ Thị D được hưởng.

- Giao toàn bộ căn nhà và đất gắn liền với nhà tại số 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Vũ Ngọc Đ được sở hữu. Vị trí nhà, ranh giới tứ cận, diện tích nhà theo bản đồ hiện trạng do Công ty TNHH dịch vụ xây dựng đo đạc Phan Gia lập ngày 28/6/2013.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Ngọc Đ thanh toán giá trị di sản thừa kế theo pháp luật căn nhà và đất nói trên cho các đồng thừa kế Vũ Thị D, Vũ Thị L, Vũ Ngọc H1, Vũ Thị H và Vũ Ngọc L mỗi đồng thừa kế là 550.000.000 đồng. Tổng cộng 5 kỷ phần đồng thừa kế bà D được nhận là 2.750.000.000 đồng.

- Buộc bà Vũ Thị D và các thành viên trong gia đình bà D, hộ gia đình ông Vũ Ngọc L và anh Vũ Ngọc T đang cư ngụ trong căn nhà nêu trên có nghĩa vụ phải giao trả căn nhà cho ông Vũ Ngọc Đ ngay sau khi ông Đ thanh toán xong số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế.

- Ông Phạm Viết T2 phải giao trả mặt bằng thuê tại nhà 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Vũ Ngọc Đ.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà D, bà L, ông L đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 09/2017/KN-DS ngày 13/3/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 101/2014/DS-PT ngày 06/5/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 1445/2013/DS-ST ngày 12/12/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Kháng nghị của Chánh án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thống nhất với nhau về diện thừa kế và di sản của cụ Vũ Văn C và cụ Nguyễn Thị B để lại là nhà số 330 đường T, Khu phố 4, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 14/4/2004 cho cụ C

và cụ B thì nhà đang tranh chấp có diện tích đất ở là 49,8m^2; căn nhà có tổng diện tích sử dụng là 120,4m^2; gồm 03 tầng. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc - Kiến trúc - Xây dựng Nam Việt lập ngày 14/9/2012 thì nhà có tổng diện tích đất là 144,1m^2, bao gồm 49,8m^2 đất được công nhận, 94,3m^2 đất thuộc lộ giới không được công nhận; tổng diện tích sàn nhà là 371,9m^2, trong đó: 148,6m^2 được công nhận, 223,3m^2 thuộc lộ giới không được công nhận. Như vậy, mặc dù nhà tranh chấp nêu trên có diện tích đất được công nhận là 49,8m^2 nhưng tổng diện tích nhà là 371,9m^2 (trong đó 148,6m^2 được công nhận) nên vẫn đảm bảo cho nhiều người cùng sử dụng được.

[2] Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng - Đo đạc Phan Gia lập ngày 28/6/2013 thì căn nhà có kết cấu phức tạp. Thực tế, căn nhà do 04 hộ đang sử dụng chung là gia đình bà D, gia đình ông L, gia đình ông Đ và gia đình anh T. Các hộ đều sử dụng cả phần nhà, đất được công nhận và phần nhà, đất không được công nhận tại các tầng khác nhau. Trong số 08 người được nhận thừa kế thì ông H1, bà H, ông L, bà L đều thống nhất để cho bà D được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đang tranh chấp; còn bà B và anh T tặng cho kỷ phần thừa kế và tài sản chung của mình cho ông Đ. Trong quá trình giải quyết, chỉ có bà D và ông Đ có yêu cầu được nhận nhà và đất đang tranh chấp và trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác. Do vậy, nếu bà D và ông Đ không thỏa thuận được về việc ai được sử dụng toàn bộ nhà thì vẫn có thể chia được nhà đang tranh chấp thành 02 phần.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chưa xem xét nhu cầu thực tế về nhà ở của các bên đương sự; chưa làm rõ có phải nhà đang tranh chấp là nơi ở duy nhất của gia đình bà D và gia đình ông Đ hay không (trong khi nhà có thể chia được) mà giao toàn bộ quyền sở hữu căn nhà cho một người được sở hữu là chưa hợp lý; không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người thừa kế theo quy định tại khoản 2 Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Kháng nghị số 09/2017/KN-DS ngày 13/3/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 101/2014/DS-PT ngày 06/5/2014 của Toà Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 101/2014/DS-PT ngày 06/5/2014 của Toà Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 1445/2013/DS-ST ngày 12/12/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, TP, Vụ GĐKT II, HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Xuân Minh